

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HNGĐ- ST

Ngày: 04-12-2017.

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chau Khiêng Sóc

Ông Nguyễn Duy Hiếu

Thư ký phiên tòa: Ông: Chau Chanh Đô Ra

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lâm Văn Nổi - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXX-ST ngày 16 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Néang Kim S, sinh năm 1994; nơi cư trú: số 208, tổ 14, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Chau S, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 9, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

3. *Người làm chứng:* Bà Néang Sương, sinh năm 1958; nơi cư trú: số 208, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

4. *Người phiên dịch:* Chị Sol Na Ly, sinh năm 1996, Cán bộ văn thư lưu trữ Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn; địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 08-8-2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Néang Kim S trình bày: Vào năm 2012 chị Néang Kim S cùng anh Chau S tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Núi Tô, sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại gia đình nhà anh Chau S, quá trình chung sống anh

và chị có với nhau 01 con chung Srây S, sinh ngày 20-11- 2012 chị và anh hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn chị Néang Kim S cho rằng anh Chau S có hành vi đánh đập chị, cuộc sống hôn nhân của chị không hạnh phúc, khi bé Srây S được khoảng 11 tháng tuổi, vào tháng 7-2013 chị cùng con về nhà mẹ ruột sống, chị và anh Chau S đã ly thân nhau từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và Chau S không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh Chau S.

Về con chung: 01 con chung tên Srây S, sinh ngày 20-11- 2012, hiện đang sống cùng chị. Chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Chau S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Chau S trình bày: Anh và chị Néang Kim S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh Chau S cho rằng anh không đánh đập chị, nguyên nhân vì sao chị S về nhà mẹ ruột sống anh không biết và anh có khuyên chị nhưng không được, nay tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục hàn gắn, anh và chị Néang Kim S đã ly thân nhau từ năm 2013 đến nay. Nay chị Néang Kim S xin ly hôn, anh Chau S cũng đồng ý ly hôn với chị Néang Kim S.

Về con chung: có 01 con chung tên Srây S, sinh ngày 20-11- 2012, hiện đang sống cùng chị Néang Kim S. Anh xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Néang Kim S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Néang Kim S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Chau S; chị xin được nuôi dưỡng con chung tên Srây S, sinh ngày 20-11- 2012, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Chau S đồng ý ly hôn với chị Néang Kim S; anh xin được nuôi dưỡng con chung tên Srây S, sinh ngày 20-11- 2012, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật:

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa nhận thấy: Vào năm 2012, chị S và anh Chau S có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại xã Núi Tô, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Đến khoảng tháng 7/2013 chị S và anh Chau S đều thừa nhận quan hệ hôn nhân có mâu thuẫn, chị S đem con bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được và cả hai đã thống nhất ly hôn nên đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của đương sự.

Về con chung: có 01 con chung tên Srây S, sinh ngày 20-11-2012, chị S và anh Srây đều yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, chị S và anh Srây phát sinh mâu thuẫn vào khoảng tháng 7/2013, từ đó chị S đưa con về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay, việc nuôi con do một mình chị S lo liệu, anh S chưa từng cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác cháu Srây S đã sống cùng bà ngoại từ nhỏ (từ lúc 8 tháng tuổi đến nay), một mình chị S đủ điều kiện để chăm lo và nuôi dưỡng cháu Srây S, vì vậy để không làm thay đổi môi trường sống của bé, nhận thấy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị S về việc tiếp tục nuôi dưỡng cháu Srây S.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Chau S cư trú tại ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa chị Néang Kim S và anh Chau S được xác lập trên cơ sở tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống vợ chồng, chị Néang Kim S và anh Chau S hạnh phúc được thời gian đầu và có với nhau 01 con chung tên Srây S, sinh ngày 20-11- 2012, đến năm 2013 anh, chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh và chị đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục

chị Néang Kim S xin ly hôn với anh Chau S, anh Chau S cũng đồng ý thuận tình ly hôn. Bên cạnh đó theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, ngày 10-11-2017 tình trạng hôn nhân giữa chị Néang Kim S và anh Chau S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị S đã về sống bên nhà mẹ ruột chị từ năm 2013 đến nay, quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã hòa giải đoàn tụ, nhưng chị Néang Kim S và anh Chau S cũng xác định không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng xin được thuận tình ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Néang Kim S và anh Chau S được xác lập trên cơ sở tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy việc hai bên tự nguyện đồng ý thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật nên Hội đồng xét xử công nhận chị Néang Kim S và anh Chau S thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: 01 con chung tên Srây S, sinh ngày 20-11- 2012, hiện đang sống cùng chị Néang Kim S, quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa chị Néang Kim S và anh Chau S đều xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa bà Néang S mẹ ruột của chị Néang Kim S trình bày: Tình trạng hôn nhân giữa con gái bà và anh Chau S không hạnh phúc, khi chị Sinh bé Srây S do bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Chau S không quan tâm chăm sóc mẹ con chị S, khi bé Srây S được 3 tháng tuổi chị S cùng con về nhà anh S sống lại, sau đó vợ chồng không hạnh phúc, đến khi bé Srây S được khoảng 11 tháng tuổi thì chị S cùng cháu về nhà bà sống từ đó đến nay, hiện nay chị S tuy làm ăn xa, bé Srây S do bà chăm sóc nhưng hằng tháng chị S vẫn thường xuyên về thăm nom, chăm sóc và gửi tiền về nuôi dưỡng cháu.

Theo các biên bản xác minh ngày 06-9- 2017; ngày 10-11-2017 tại ban ấp Tô Hạ, xã Núi Tô cho biết: Bé Srây S được chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng rất tốt từ lúc nhỏ đến nay, mặc dù hiện nay chị đi làm ăn xa, nhưng vẫn thường xuyên về thăm nom, chăm sóc và gửi tiền về nuôi cháu và anh Chau S cũng thường xuyên đi lại thăm nom cháu.

Theo các biên bản xác minh ngày 14-11-2017 của những người dân sống cạnh nhà chị Néang Kim S cũng xác định bé Srây S do chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng từ nhỏ, nhưng hiện nay tuy chị đi làm ăn xa, nhưng vẫn thường xuyên về thăm nom, chăm sóc cho cháu rất tốt.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Srây S từ nhỏ do chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến nay rất tốt và hiện nay cháu đang tuổi chuẩn bị vào lớp 1, mặc dù hiện nay chị đi làm ăn xa, cháu Srây S do mẹ ruột chị là bà Néang S chăm sóc, nhưng chị S vẫn thường xuyên về thăm nom, chăm sóc cháu và vẫn đảm bảo điều kiện học tập, chăm lo cho cháu, vì vậy để ổn định tâm lý của cháu, tạo điều kiện phát triển toàn diện cho cháu Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Srây S cho chị

Néang Kim S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Néang Kim S không yêu cầu anh Chau S cấp dưỡng, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Néang Kim S và anh Chau S, khai không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Néang Kim S là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, chị S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Néang Kim S và anh Chau S.

Về con chung: Giao cháu Srây S, sinh ngày 20-11-2012 cho chị Néang Kim S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Chau S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Néang Kim S phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Néang Kim S nộp theo biên lai thu số 0018089 ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Ủy ban nhân dân xã Núi Tô
Huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Nữ Ngọc Lan